

Số: **1252/2020/QĐST-HNGĐ**

Biên Hòa, ngày 14 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ vào các điều 212, 213 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1890/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Ông Vũ Minh V, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 123/54, đường 510, quốc lộ 1A, khu phố 10, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN;

+ Bà Vũ Thị Kim L, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Tổ 01, khu phố 10, phường TB, thành phố BH, tỉnh ĐN.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Minh V và bà Vũ Thị Kim L kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân Biên, thành phố Biên Hòa, hôn nhân tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Sau một thời gian chung sống thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn tới cãi vã, cuộc sống vợ chồng ngột ngạt. Đến nay, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của vợ chồng ngày càng trầm trọng tới mức khó có thể giải quyết. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng ông bà vẫn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm

điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Có 02 con chung tên Vũ Phương U, sinh ngày 09/10/2007, Vũ Phương Q, sinh ngày 24/7/2016. Hai bên thống nhất giao con chung cho bà Vũ Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Vũ Minh V cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000đ/tháng/02 cháu, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân.

[3] Về tài sản chung: Đương sự trình bày tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Minh V và bà Vũ Thị Kim L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Vũ Phương U, sinh ngày 09/10/2007, Vũ Phương Q, sinh ngày 24/7/2016 cho bà Vũ Thị Kim L trực tiếp chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Ông Vũ Minh V cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000đ/tháng/02 cháu, kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động, tự nuôi sống bản thân.

Ông Vũ Minh V được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Đương sự trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Đương sự trình bày không có, nên Tòa án không giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông bà đã nộp tại Biên lai thu số 0006516 ngày 11 tháng 8 năm 2020 của

Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông Vũ Minh V, bà Vũ Thị Kim L đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa (2);
- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (1);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng và Thẩm phán (3).

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Thái